

THANH KHOẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Ngô Văn Tuấn¹, TS. Võ Đức Toàn², ThS. Hoàng Đình Dũng³

¹Đại học Ngân Hàng Tp.HCM

²Đại học Sài Gòn

³Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM

Ngày gửi bài: 12/11/2014

Ngày chấp nhận đăng: 20/12/2014

TÓM TẮT

Thanh khoản vừa là yếu tố tiên quyết để tồn tại vừa là kỹ thuật kinh doanh mang lại lợi nhuận của chính bản thân các ngân hàng. Trong thời gian qua Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng các tỷ lệ an toàn thanh khoản mang tính bắt buộc nhằm hướng các ngân hàng thương mại từng bước tiệm cận thông lệ quốc tế vừa hướng đến mục tiêu đảm bảo an toàn thanh khoản của toàn hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở số liệu phân tích năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 tình hình thanh khoản của các ngân hàng tương đối tốt, tuy nhiên việc thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện và đảm bảo an toàn thanh khoản là cần thiết, vì vậy các ngân hàng thương mại cần sớm tăng cường các biện pháp kỹ thuật lẫn tư duy kinh doanh nhằm đảm bảo ngân hàng luôn tăng trưởng ổn định, bền vững và phát triển lâu dài tạo cơ sở vững chắc cho phát triển nền kinh tế Việt Nam.

Từ khóa: thanh khoản

ABSTRACT

Liquidity is both a prerequisite for survival and a technical business profitable by the bank itself. In recent years the State Bank has issued many guide lines apply liquidity adequacy ratios mandatory to guide commercial banks to gradually approaching international norms just aiming to make liquidity safety of the entire banking system. On the basis of data analysis in 2013 and the first 6 months of 2014 the liquidity situation of banks is relatively good, but the implementation of measures to improve safety and liquidity is necessary, because that commercial banks need to strengthen measures early technical and business thinking to ensure that banks are always stable growth, sustainable development and creating long-term firm basis for the development of Vietnam's economy.

Keywords: liquidity

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thanh khoản của ngân hàng thương mại nói riêng hay của hệ thống ngân hàng nói chung luôn là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong hoạch định chính sách tiền tệ vĩ mô cũng như ổn định đời sống kinh tế xã hội ở các quốc gia. Việt Nam, từ những thập niên 80, 90 đến nay cho thấy hàng loạt biến động trong ngành ngân hàng đa số bắt đầu từ khủng hoảng thanh khoản, từ việc đổ bể các hợp tác xã tín dụng đến ngân hàng Việt Hoa và gần đây sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, khá nhiều ngân hàng thương mại gặp rủi ro thanh khoản, thậm chí có ngân hàng không có khả năng thanh toán các khoản vay liên ngân hàng khi đến hạn, mà nếu không có sự can thiệp kịp thời từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thì nguy cơ đổ vỡ cực kỳ cao.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Lộ trình áp dụng Basel 3 của Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng

Trong bối cảnh thế giới phẳng, khả năng ổn định tài chính tiền tệ hay khủng hoảng ít nhiều đều có tác động lây lan toàn cầu. Sau khủng hoảng tài chính 2008, Basel 3 đã được thỏa thuận và nâng thêm những chuẩn mới về thanh khoản. Những tỷ lệ thanh khoản mới sẽ được ban hành vào đầu năm 2015 để giúp các ngân hàng có khả năng chống đỡ ngắn hạn tốt hơn với những rủi ro thanh khoản. Quy định này yêu cầu các ngân hàng thương mại phải nắm giữ các tài sản có tính

thanh khoản cao, có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu chi trả trong những trường hợp khó khăn xảy ra. Do môi trường khác nhau nên Basel III đưa ra lộ trình để các quốc gia có thể tiệm cận áp dụng các tiêu chuẩn mới vào nước sở tại như sau:

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vẫn giữ nguyên 8% nhưng tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 tối thiểu được bắt đầu áp dụng vào 1/1/2013 với mức 4,5%, và phải đạt được mức 6% trước ngày 1/1/2019.
- Tỷ lệ an toàn vốn cổ phần thường tối thiểu cũng được bắt đầu áp dụng từ 1/1/2013 với mức 3,5%, và phải đạt được mức 4,5% trước 1/1/2019.
- Tỷ lệ dự phòng bảo toàn vốn được bắt đầu tính từ 01/01/2016 với mức 0,625%, và hoàn thành mức 2,5% trước 1/1/2019.
- Các ngân hàng phải loại bỏ các khoản giảm trừ khỏi vốn cấp 1 được áp dụng từ 1/1/2014 với mức 20%, và đến trước 1/1/2019 sẽ loại bỏ được 100%.
- Tỷ lệ đòn bẩy được thử nghiệm áp dụng trong khoảng thời gian từ 1/1/2013 đến 31/12/2016 với tỷ lệ 3%.

2.2. Quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Việt Nam, trong thời gian qua NHNN ban hành khá nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng các tỷ lệ an toàn thanh khoản vừa mang tính chất kỹ thuật vừa mang tính bắt buộc nhằm hướng các ngân hàng thương mại từng bước tiệm cận thông lệ quốc tế vừa hướng đến mục tiêu đảm bảo an toàn thanh khoản toàn hệ thống. Theo Thông tư 13/2010/TT-NHNN, các tổ chức tín dụng phải tăng cường việc quản trị thanh khoản bằng nhiều phương pháp khác nhau như thành lập một bộ phận quản lý tài sản “Nợ”, tài sản “Có” (từ cấp phòng hoặc tương đương trở lên), để theo dõi và quản lý khả năng chi trả hàng ngày; các Tổ chức tín dụng (TCTD) phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về quản lý khả năng chi trả đối với Đồng Việt Nam và ngoại tệ (EURO, Dolla, Bảng Anh); Đồng thời phải báo NHNN về Quy định nội bộ về quản lý khả năng chi trả và các nội dung sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về quản lý khả năng chi trả trong thời hạn 5 ngày sau khi được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung; cũng như ngay sau khi phát sinh rủi ro về khả năng chi trả, khả năng thanh khoản và các biện pháp xử lý.

Về mặt kỹ thuật nghiệp vụ cụ thể, NHNN quy định cuối mỗi ngày, các TCTD phải xác định và có các biện pháp để đảm bảo các tỷ lệ về khả năng chi trả cho ngày hôm sau như sau:

- Tỷ lệ tối thiểu bằng 15% giữa tổng tài sản “Có” thanh toán ngay và tổng Nợ phải trả.
- Tỷ lệ tối thiểu bằng 1 giữa tổng tài sản “Có” đến hạn thanh toán trong 7 ngày tiếp theo kể từ ngày hôm sau và tổng tài sản “Nợ” đến hạn thanh toán trong 7 ngày tiếp theo kể từ ngày hôm sau đối với đồng Việt Nam, đồng Euro, đồng Bảng Anh và đồng đô la Mỹ (bao gồm đồng đô la Mỹ và các ngoại tệ khác còn lại được quy đổi sang đô la Mỹ theo tỷ giá liên ngân hàng cuối mỗi ngày).
- Tổ chức tín dụng phải xây dựng bảng theo dõi, quản lý kỳ hạn thanh toán của tài sản “Có” và kỳ hạn phải trả của tài sản “Nợ” của từng ngày trong khoảng thời gian 30 ngày tiếp theo kể từ ngày hôm sau để hỗ trợ cho việc quản lý khả năng chi trả.
- Trường hợp cuối mỗi ngày mà các TCTD không đảm bảo các tỷ lệ quy định phải có các biện pháp xử lý, đồng thời báo ngay NHNN các biện pháp xử lý. Nếu tiếp tục gặp khó khăn hoặc có rủi ro về khả năng chi trả, ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản, tổ chức tín dụng phải báo NHNN. NHNN sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý đối với tổ chức tín dụng gặp khó khăn và có rủi ro về khả năng chi trả, khả năng thanh khoản.

Về Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu: Tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản “Có” rủi ro của tổ chức tín dụng (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ). Tổ chức tín dụng phải thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, ngoài việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ, phải đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc (tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất). [3]

2.3. Một số chỉ chủ yếu khác đo lường thanh khoản của các ngân hàng

- *Chỉ số về trạng thái tiền mặt (gọi là CS 1).*

$(\text{Tiền mặt} + \text{Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng}) / \text{Tổng tài sản}$

Công thức trên đều đo lường về trạng thái tiền mặt của ngân hàng. Chỉ số này càng lớn chứng tỏ tính thanh khoản của ngân hàng càng tốt.

- *Chỉ số năng lực cho vay (gọi là CS 2):*

$\text{Dư nợ} / \text{Tổng tài sản}$

Chỉ số này cho biết phần trăm các khoản cho vay tín dụng trong tổng mức tài sản của ngân hàng. Chỉ số này càng lớn thể hiện kém thanh khoản.

- *Chỉ số dư nợ trên tiền gửi (gọi là CS 3):*

$\text{Dư nợ} / \text{Tiền gửi khách hàng}$

Chỉ số này cho biết tỉ lệ dư nợ cho vay trên tổng số tiền gửi huy động được của ngân hàng. Tỉ lệ này càng cao thì khả năng thanh khoản của ngân hàng càng thấp.

- *Chỉ số chứng khoán thanh khoản (gọi là CS 4):*

$(\text{Chứng khoán kinh doanh} + \text{Chứng khoán sẵn sàng để bán}) / \text{Tổng tài sản}$

Chỉ số này cho biết tỉ lệ nắm giữ các chứng khoán có khả năng chuyển thành tiền mặt, đáp ứng nhu cầu thanh khoản của ngân hàng. Tỷ lệ này càng cao, trạng thái thanh khoản của ngân hàng càng tốt.

- *Chỉ số tiền gửi và cho vay TCTD trên tiền gửi và vay từ TCTD (gọi là CS 5):*

$\text{Tiền gửi và cho vay TCTD} / \text{Tiền gửi và vay từ TCTD}$

Vì các khoản vay và gửi tiền tại các tổ chức tín dụng thường có kì hạn ngắn nên chỉ số này thể hiện sự chủ động của ngân hàng trong giải quyết các vấn đề thanh khoản. Chỉ tiêu này thấp là dấu hiệu cho thấy ngân hàng bị động trong khả năng thanh khoản và ngược lại khi cao. Để đánh giá chỉ tiêu này, trong phân tích, ta so sánh với 1:

+ CS 5 > 1: Ngân hàng chủ động trong thanh khoản.

+ CS 5 < 1: Ngân hàng bị động trong các vấn đề thanh khoản.

- *Chỉ số tiền mặt và tiền gửi tại TCTD trên tiền gửi của khách hàng (gọi là CS 6)*

$(\text{Tiền mặt} + \text{Tiền gửi tại TCTD}) / \text{Tiền gửi của khách hàng}$

Chỉ số này cho biết tỷ lệ của tài sản có tính thanh khoản cao và sẵn sàng để huy động khi cần thiết so sánh với số lượng tiền gửi của khách hàng. Chỉ số này cũng thể hiện tính chủ động của ngân hàng khi giải quyết các vấn đề về thanh khoản. CS 6 cao chứng tỏ ngân hàng chủ động và có tính thanh khoản tốt.

- *Chỉ số cấu trúc tiền gửi (gọi là CS 7):*

Tiền gửi không kỳ hạn/Tiền gửi có kỳ hạn

- *Chỉ số cấu trúc tiền gửi (gọi là CS 8):*

Tiền gửi ngắn hạn/Tiền gửi dài hạn

Chỉ số CS 7 và CS 8 đo lường tính ổn định của cơ sở tiền gửi của ngân hàng. Chỉ số này càng thấp thì thanh khoản càng thấp.

Ngoài các chỉ tiêu đo lường nêu trên, để đánh giá thanh khoản của ngân hàng thương mại chúng ta có thể dựa trên dòng tiền vào, dòng tiền ra. Hiện nay trên báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại để đánh giá rủi ro thanh khoản các ngân hàng tính tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả, kết quả phép trừ này gọi là mức chênh lệch thanh khoản ròng.[1, Trang 456 – 478]

3. THỰC TRẠNG VỀ THANH KHOẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM HIỆN NAY.

Nhìn chung, thanh khoản của ngân hàng hay các tổ chức tín dụng nói chung luôn là vấn đề “nóng”. Thực tế thừa nhận rằng không một tổ chức tín dụng hay ngân hàng thương mại nào không tuân thủ quy định NHNN hay không đặt vấn đề thanh khoản lên hàng đầu, bởi lẽ thanh khoản vừa là yếu tố tiên quyết để tồn tại của chính bản thân ngân hàng vừa là kỹ thuật kinh doanh mang lại lợi nhuận. Một thực tế cho thấy hơn ai hết, người quản lý trực tiếp biết rất rõ tình trạng thanh khoản của ngân hàng đang ở trạng thái nào? Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao các ngân hàng thương mại thường hay bị hụt thanh khoản hay có nguy cơ khủng hoảng thanh khoản? Có nhiều nguyên nhân khác nhau đã được phân tích như do sự hạn chế trong nhận thức, khả năng và kinh nghiệm điều hành thanh khoản của nhà quản trị hay bộ phận quản lý thanh khoản, thiếu tầm nhìn, thiếu công cụ dự báo khoa học, các khoản dự trữ sơ cấp và thứ cấp không phù hợp. Thậm chí do đạo đức nghề nghiệp hay do không tôn trọng các quy định nội bộ đã được thiết lập hoặc do bất khả kháng từ khách hàng, từ môi trường xung quanh.

Nói chung dù có xây dựng bao nhiêu công cụ, chính sách đi nữa thì vấn đề mất an toàn thanh khoản vẫn có thể xảy ra, trong ngắn hạn hay dài hạn, bởi các nguyên nhân nói trên và sâu xa hơn chính là chiến lược kinh doanh đầy tham vọng của các ông chủ ngân hàng. Có thể nói đây là cốt lõi của mọi vấn đề vì chính chiến lược tham vọng về tăng trưởng, về lợi nhuận sẽ đẩy ngân hàng mạo hiểm với rủi ro. Do chỉ tiêu tăng trưởng, lợi nhuận gắn chặt với “đời sống” từng cấp điều hành, thậm chí đến từng nhân viên vì vậy để tồn tại đôi lúc họ phải mạo hiểm và trượt dài trong mạo hiểm dẫn đến các loại rủi ro cho ngân hàng, trong đó có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên phải nhìn nhận trong kinh doanh luôn hàm chứa yếu tố mạo hiểm và đó là một trong những yếu tố tác động mọi thành bại, không có mạo hiểm thì không thể kinh doanh nhưng mạo hiểm trên cơ sở nào, điểm tựa nào, khắc phục như thế nào mới quan trọng. Mạo hiểm ở mức độ nào thì khó có đáp án chính thức mà tùy “khẩu vị rủi ro” ở mỗi ngân hàng khác nhau. Rủi ro thanh khoản và lợi nhuận luôn là hai biên nghịch nhau trong một bài toán vì chú trọng đến an toàn thanh khoản sẽ

khó mang lại lợi nhuận như mong đợi, ngược lại phiêu lưu với các khoản đầu tư mạo hiểm thì dễ dẫn đến nguy cơ rủi ro cao.

Số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho thấy tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (vốn tự có/tổng tài sản có rủi ro – CAR - Capital Adequacy Ratio) tính đến hết tháng 6/2014 của cả hệ thống tổ chức tín dụng đã giảm đi 0,71 điểm % so với cùng kỳ năm trước. CAR là chỉ tiêu quan trọng phản ánh sức khỏe thực sự của một ngân hàng. Hệ số CAR càng cao tức ngân hàng càng dễ dàng đối phó khi có những rủi ro như khách hàng rút tiền nhiều, thiếu hụt thanh khoản, trả nợ các khoản vay.... Tại thông tư 13/2010 Ngân hàng Nhà nước đã yêu cầu các ngân hàng thương mại tại Việt Nam phải duy trì tỷ lệ này ở mức tối thiểu 9%.

Theo công bố của Ngân hàng Nhà nước, CAR tại ngày 30/6/2014 của hệ thống tổ chức tín dụng tại Việt Nam là ở mức 12,94%. Riêng trong khối ngân hàng cổ phần, tỷ lệ này là 11,77%, khối ngân hàng gốc quốc doanh (bao gồm cả Vietinbank, Vietcombank và BIDV) là 10,44%. Tỷ lệ này đã giảm khá so với cách đây một năm. Hết tháng 6/2013, CAR toàn hệ thống ngân hàng là 13,65%. Trong đó, khối ngân hàng cổ phần đứng ở mức 12,8% và khối ngân hàng gốc quốc doanh 11,1%. Riêng khối ngân hàng liên doanh, ngân hàng nước ngoài vẫn duy trì CAR cao hàng đầu thị trường dù đã giảm nhẹ thời gian qua, ở mức 31,12% vào cuối tháng 6/2014. [6]

Về đánh giá tình hình thanh khoản thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu được nhóm tác giả thu thập số liệu và tính toán tại một số ngân hàng thương mại như sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu đo lường thanh khoản của một số Ngân hàng thương mại năm 2013.

Ngân hàng	Chỉ tiêu						
	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	CS7
ACB	0.0460	0.6434	0.7761	0.0499	0.9764	0.0555	0.1479
Sacombank	0.0571	0.6851	0.8399	0.1383	1.4947	0.0321	0.1604
Eximbank	0.1872	0.4908	1.0488	0.0059	0.8800	0.0186	0.1359
BIDV	0.0691	0.7131	1.1538	0.1066	1.0005	0.1118	0.2254
SHB	0.1274	0.5364	0.8430	0.0572	1.4630	0.2002	0.1041
Vietcombank	0.1916	0.5849	0.8256	0.1009	2.0843	0.2705	0.3465
MB	0.1542	0.4766	0.6317	0.2504	1.2504	0.0585	0.4055
Vietinbank	0.1082	0.6471	1.1226	0.1388	0.9082	0.1877	0.2341

Nguồn: Báo cáo tài chính của các Ngân hàng thương mại năm 2013. [4]

Bảng 2: Một số chỉ tiêu đo lường thanh khoản của một số Ngân hàng thương mại 6 tháng đầu năm 2014.

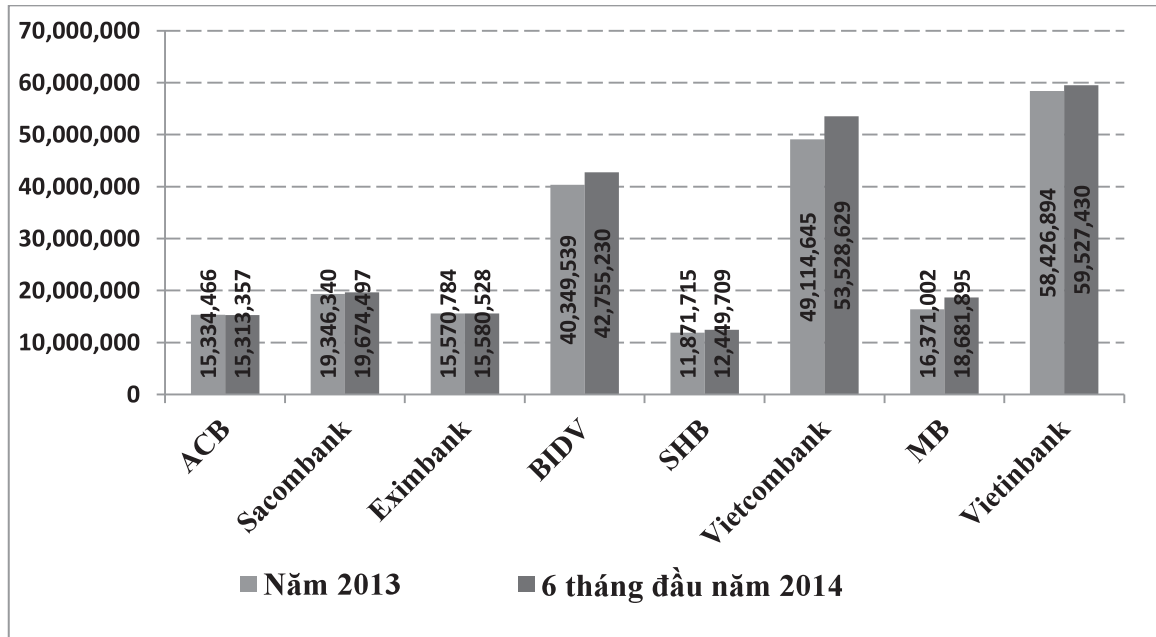
Ngân hàng	Chỉ tiêu						
	CS1	CS2	CS3	CS4	CS5	CS6	CS7
ACB	0.0477	0.6241	0.7525	0.0736	0.7808	0.0575	0.1334
Sacombank	0.0596	0.6691	0.8075	0.1522	1.2369	0.0720	0.1447
Eximbank	0.1472	0.6079	1.0413	0.0042	0.6405	0.2522	0.1321
BIDV	0.0762	0.6734	1.0100	0.1264	0.9468	0.1143	0.2079
SHB	0.0995	0.6509	0.8357	0.0468	1.7066	0.1278	0.0883
Vietcombank	0.1469	0.5626	0.7497	0.1448	2.3498	0.1957	0.2935
MB	0.0459	0.4918	0.5882	0.2899	2.3498	0.0549	0.1099
Vietinbank	0.0967	0.6233	0.9863	0.1845	0.6117	0.1529	0.1703

Nguồn: Báo cáo tài chính của các Ngân hàng thương mại 6 tháng đầu năm 2014.[4]

Nhìn chung các chỉ tiêu đo lường thanh khoản 6 tháng đầu năm 2014 của một số Ngân hàng thương mại tương đối ổn định so với cuối năm 2013. CS5 của các ngân hàng thương mại lớn hơn hoặc gần bằng 1 cho thấy các Ngân hàng chủ động trong thanh khoản. Tuy nhiên, chỉ số như CS3, CS7 của một số ngân hàng thương mại thì 6 tháng đầu năm 2014 so với năm 2013 giảm.

Biểu đồ 1: Chênh lệch thanh khoản ròng năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 của một số Ngân hàng thương mại.

Đơn vị tính: Triệu đồng



Nguồn: Báo cáo tài chính của các Ngân hàng thương mại năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.[4]

Nhìn chung thanh khoản ròng của các ngân hàng thương mại 6 tháng đầu năm 2014 tăng so với cuối năm 2013, điều này cho thấy tình hình thanh khoản của các ngân hàng được cải thiện.

4. GIẢI PHÁP

- Để ngăn ngừa rủi ro thanh khoản trước hết khi xây dựng chiến lược kinh doanh các ngân hàng cần cân nhắc chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận. Việc hoạch định chỉ tiêu lợi nhuận phải phù hợp tỷ suất lợi nhuận chung với ngành nghề khác trong nền kinh tế chứ không nên vội vã phải đạt tỷ suất lợi nhuận cao, hay phải nhanh chóng đạt lợi nhuận hàng ngàn tỷ đồng để thỏa mãn yêu cầu cổ đông. Chiến lược kinh doanh của các ngân hàng khi xây dựng phải hiểu rằng lợi nhuận của ngân hàng được mang đến từ khách hàng. Khách hàng còn, ngân hàng còn. Khách hàng mất, ngân hàng khó tồn tại.

- Trong mối quan hệ với khách hàng có ảnh hưởng rất lớn đến an toàn thanh khoản. Thực tế cho thấy nguyên tắc 80/20 cũng là nguyên tắc vàng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Bất kỳ ngân hàng nào dù lớn hay nhỏ cũng cần quan tâm nguyên tắc này trong quản lý thanh khoản. Nhóm khách hàng chiếm 20% nhưng có thể mang đến 80% doanh thu hay 80% dòng tiền qua ngân hàng và khả năng các vấn đề thanh khoản phần lớn sẽ phụ thuộc vào nhóm khách hàng này.

Vì vậy việc thiết lập mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng này có thể giúp ngân hàng ổn định được thanh khoản lâu dài. Ngân hàng có thể xác định và xây dựng chính sách chăm sóc “đặc biệt” cho từng nhóm khách hàng khác nhau như: nhóm khách hàng tiền gửi, nhóm khách hàng tiền vay, nhóm khách hàng sử dụng các dịch vụ khác và các định chế tài chính khác trong và ngoài nước. Một ngân hàng “khéo léo” phải quản lý được dòng tiền khách hàng để loại bỏ các tình huống bất khả kháng, vận dụng linh hoạt các công cụ, chính sách hiện có để tư vấn khách hàng sao cho có lợi nhất cho cả hai bên, win – win. Một ngân hàng quản lý tốt khách hàng có thể giữ mức dự trữ tối thiểu nhưng vẫn an toàn thanh khoản và ngược lại. Quy mô thâm hụt thanh khoản trên phạm vi toàn hệ thống của một ngân hàng thương mại có thể lớn nhưng nếu được chia nhỏ cho từng chi nhánh trực thuộc, vận dụng và xử lý tốt các mối quan hệ với khách hàng, tăng cường sự hỗ trợ từ khách hàng có thể giải quyết ổn thỏa vấn đề thanh khoản ngân hàng trong những thời điểm nhất định.

- Các ngân hàng thương mại phải tuân thủ triệt để quy định NHNN về an toàn thanh khoản và thiết lập các thể chế kiểm soát, giám sát từ xa, giám sát qua nhiều tầng nấc nhằm khắc phục và phòng ngừa rủi ro. Đồng thời đẩy mạnh công tác thống kê, xây dựng, quản lý theo dõi kỳ hạn đối với tài sản nợ, tài sản có thích hợp. Thiết lập hệ thống đo lường, đánh giá và báo cáo về khả năng chi trả, khả năng thanh khoản và hệ thống cảnh báo sớm về rủi ro thiếu hụt tạm thời khả năng chi trả cũng như các giải pháp xử lý.

- Đa dạng hóa danh mục đầu tư và nắm giữ các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao. Không nên bỏ trứng vào một giỏ nhưng cũng không nên đầu tư phân tán. Một vấn đề khác là các ngân hàng nên nghĩ nhiều đến việc chứng khoán hóa các khoản tín dụng để sử dụng trong những trường hợp cần thiết và cuối cùng, xây dựng được hạn mức thanh khoản, hạn mức tín dụng dự phòng linh hoạt với các định chế tài chính trong và ngoài nước để xử lý kịp thời khi trạng thái thanh khoản có vấn đề.

5. KẾT LUẬN

Tóm lại, sự ổn định thanh khoản là cần thiết và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản là tất yếu, vì vậy các ngân hàng thương mại cần sớm tăng cường các biện pháp kỹ thuật lẫn tư duy kinh doanh nhằm đảm bảo ngân hàng luôn tăng trưởng ổn định, bền vững và lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Tiến (2009), *Ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản Thống Kê.
- [2]. Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (2010), Basel 3.
- [3]. Thông tư 13/2010/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/05/2010, Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
- [4]. Báo cáo tài chính năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 của các Ngân hàng: ACB, Sacombank, Eximbank, Vietcombank, Vietinbank, MB, SHB, BIDV.
- [5]. Website: cafef.vn.
- [6]. <http://www.thesaigontimes.vn/119896/>